

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

• TS. Phan Thị Tố Oanh^(*), CN. Nguyễn Hữu Bách^(**)

Tóm tắt

Bài viết đề cập thực trạng về nhận thức, nội dung, chương trình, hình thức tổ chức, hoạt động của các lực lượng giáo dục và các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục hướng nghiệp dựa trên kết quả khảo sát từ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh các trường trung học phổ thông ở thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Căn cứ vào thực trạng, chúng tôi đưa ra những kiến nghị để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp trong các trường, góp phần đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Từ khóa: thực trạng, hướng nghiệp, giáo dục hướng nghiệp, trung học phổ thông, Bà Rịa - Vũng Tàu.

1. Đặt vấn đề

Công tác giáo dục hướng nghiệp (GDHN) là nhiệm vụ rất quan trọng trong trường phổ thông, nó không chỉ giúp học sinh (HS) có khả năng định hướng nghề nghiệp mà còn góp phần thành công trong công tác phân luồng - hướng học - hướng nghiệp sau trung học cơ sở và trung học phổ thông (THPT), góp phần chuyển dịch cơ cấu nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) và nhu cầu của thị trường lao động.

Mục đích GDHN trường phổ thông không chỉ phải là làm đúng với công việc mình yêu thích mà còn phải giúp thích ứng với nghề, bởi xã hội luôn vận động thay đổi, nhiều công việc mới xuất hiện với yêu cầu và thách thức mới. Do đó, GDHN cần giúp các em nâng cao nhận thức bản thân, nhận thức nghề nghiệp sẽ chọn và ý thức trách nhiệm với những gì mà mình đã chọn.

Trong những năm qua, công tác GDHN trong các trường THPT của thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã đạt được kết quả nhất định, song bên cạnh đó vẫn còn không ít tồn tại cần sớm tìm ra hướng giải quyết khắc phục. Vì vậy, năm học 2013-2014 chúng tôi đã tiến hành khảo sát công tác GDHN tại một số trường THPT ở thành phố Bà Rịa, bao gồm 18 cán bộ quản lý (CBQL),

180 giáo viên (GV) và 405 HS làm luận cứ thực tiễn, để từ đó kiến nghị các cấp quản lý giáo dục đặc biệt quan tâm, hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả công tác GDHN trường phổ thông.

2. Thực trạng GDHN trong các trường THPT ở thành phố Bà Rịa

Bà Rịa là một thành phố trẻ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với số dân khoảng một trăm nghìn người (2013). Thành phố có ba trường: THPT Bà Rịa, THPT Châu Thành và THPT Nguyễn Bình Khiêm, quy mô 3.100 HS theo học; đội ngũ GV là 180 người, với 100% GV các trường đạt chuẩn và vượt chuẩn; CBQL là 9 người, trong đó có một CBQL đạt trình độ sau đại học; cơ sở vật chất (CSVCh) trường lớp được đầu tư xây dựng khang trang, trang thiết bị dạy học khá hiện đại,... tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục nói chung và công tác GDHN nói riêng.

2.1. Nhận thức về công tác GDHN

Nhận thức là bước khởi đầu, thành tố rất quan trọng trong quá trình hoạt động của mỗi người, nếu nhận thức đúng sẽ dẫn tới hành động đúng. Trong công tác GDHN cũng vậy, khi nhận thức đúng, đầy đủ về mục đích GDHN sẽ là tiền đề, động lực cho công tác GDHN đạt kết quả và hiệu quả.

^(*) Khoa Thương mại - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

^(**) Học viên cao học, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Bà Rịa, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bảng 1. Phản ánh của CBQL, GV và HS về vai trò công tác GDHN trong trường THPT

| Mức độ quan trọng | Đối tượng | | | | | | Tổng | |
|-------------------|-----------|------|----------|------|----------|------|----------|------|
| | CBQL | | GV | | HS | | | |
| | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % |
| Rất quan trọng | 7 | 87.5 | 78 | 43.3 | 160 | 39.5 | 245 | 41.3 |
| Quan trọng | 1 | 12.5 | 82 | 45.6 | 200 | 49.4 | 283 | 47.7 |
| Bình thường | 0 | 0.0 | 15 | 8.5 | 27 | 6.7 | 42 | 7.0 |
| Ít quan trọng | 0 | 0.0 | 4 | 2.2 | 10 | 2.5 | 14 | 2.4 |
| Không quan trọng | 0 | 0.0 | 1 | 0.6 | 6 | 1.5 | 7 | 1.2 |
| Không trả lời | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | 2 | 0.5 | 2 | 0.4 |

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy: có đến 528 ý kiến (89%) của CBQL, GV và HS phản ánh công tác GDHN trong trường THPT có vai trò quan trọng và rất quan trọng; tuy nhiên vẫn còn không ít GV (11.3%) - chủ thể giáo dục và HS (10.7%) - đối tượng giáo dục trong nhà trường cho

rằng công tác này là bình thường (7%), ít hoặc không quan trọng. Những con số bảng 1 nói lên một thực trạng tại ba cơ sở giáo dục được khảo sát là công tác GDHN tồn tại bất cập, sự quan tâm chưa đúng với mục đích, vai trò của nó.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV và HS về nhận thức, thái độ và động cơ học tập, tham gia hoạt động GDHN của HS

| Nội dung | Mức độ | | | | | | | | | |
|--|---------|------|-----|------|-------------|------|-----|------|---------|-----|
| | Rất tốt | | Tốt | | Bình thường | | Yếu | | Rất yếu | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Nhận thức tầm quan trọng việc học tập và tham gia hoạt động GDHN | 123 | 20.7 | 195 | 32.9 | 213 | 35.9 | 51 | 8.6 | 11 | 1.9 |
| Thái độ học tập và tham gia hoạt động GDHN | 67 | 11.3 | 177 | 29.8 | 272 | 45.9 | 60 | 10.1 | 17 | 2.9 |
| Động cơ học tập và tham gia hoạt động GDHN | 74 | 12.5 | 187 | 31.5 | 278 | 46.9 | 46 | 7.8 | 8 | 1.3 |

Bảng 2 cho thấy có 53.6% HS nhận thức được tầm quan trọng việc học tập và tham gia hoạt động GDHN; 41.1% HS có thái độ tích cực khi học GDHN và tham gia hoạt động GDHN ở mức độ tốt và rất tốt; 44.0% HS có động cơ đúng đắn việc học tập và tham gia hoạt động GDHN. Tuy nhiên, điều cần lưu ý, kết quả đánh giá về nhận thức, thái độ và động cơ (35.9%; 45.9%; 46.9%) ở mức độ bình thường chiếm tỷ trọng cao.

Số liệu trên đây phản ánh: Nhận thức về học tập và tham gia hoạt động GDHN của HS cơ bản là tích cực và quan trọng, chỉ có 10.5% HS nhận

thức tiêu cực, chưa thấy rõ vai trò, tầm quan trọng GDHN; Về thái độ và động cơ của HS, thông qua con số 13% thái độ thờ ơ, thiếu thiện chí, và 9.1% động cơ chưa rõ ràng. Từ đây cho thấy, công tác GDHN trong thời gian vừa qua cần được tổng kết nhằm khắc phục kịp thời những hạn chế từ phía đối tượng được giáo dục, để có những giải pháp nâng cao hơn nữa nhận thức cho HS để các em có thái độ, động cơ đúng đắn học tập và tham gia hoạt động GDHN.

Khi khảo sát nhận thức của GV về trách nhiệm trong công tác GDHN, với câu hỏi: “Công

tác GDHN cho HS trong nhà trường THPT hiện nay là trách nhiệm của ai?”, kết quả 68.9% GV cho rằng đây là *trách nhiệm của toàn thể lực lượng giáo dục*. Điều này nói lên rằng (còn có 31.1%) GV chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm của chủ thể giáo dục trong công tác GDHN.

Thực tiễn hoạt động, nhiều cơ sở giáo dục dựa vào kết quả tốt nghiệp THPT và tỉ lệ HS đậu vào các trường cao đẳng, đại học làm tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục, bình chọn thi đua đối với đội ngũ GV. Chính vì vậy, nhà trường chỉ tập trung giảng dạy các môn văn hóa cơ bản, xem nhẹ kiến thức kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng thực hành và ít quan tâm đến việc bồi dưỡng HS kỹ năng sống và làm việc; đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới kết quả khảo sát về nhận thức, thái độ và động cơ của HS nêu trên.

2.2. Nội dung, chương trình GDHN

Theo quy định, nội dung cơ bản của chương trình GDHN hiện nay trong trường THPT gồm các vấn đề cơ bản như: Từng bước giới thiệu cho HS các ngành nghề của địa phương và trong xã hội; Tạo điều kiện tổ chức cho HS lao động, thực hành kỹ thuật để HS được tập dượt, thử sức, từ đó làm bộc lộ những đặc điểm về nhân cách, tâm lý, giúp HS định hướng tâm lý cho việc lựa chọn ngành nghề sau này; Tổ chức hướng dẫn cho HS chọn nghề dựa trên năng lực, sở trường của HS đã được bộc lộ; Tạo điều kiện giúp đỡ, sắp xếp, bố trí công

việc HS sau khi ra trường sao cho phù hợp với ngành nghề mà các em đã chọn và đã được rèn luyện trong nhà trường... Những nội dung này được các trường triển khai giảng dạy lồng ghép với các môn học văn hóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và dạy theo chuyên đề với thời lượng 2 tiết/tháng.

Để có được nhận xét khách quan, thuyết phục tác giả thực hiện:

- Thu thập ý kiến đánh giá về nội dung GDHN trong nhà trường hiện nay: có 52.2% (315 ý kiến) đánh giá *phù hợp* hoặc *rất phù hợp*; 33.9% cho rằng *tương đối phù hợp* và 13.3% (73 ý kiến) là *ít phù hợp* hoặc *không phù hợp*.

- Thu thập ý kiến đánh giá về chương trình GDHN: có 45.6% (270 ý kiến) ghi nhận chương trình GDHN hiện nay *phù hợp* hoặc *rất phù hợp*; 35.8% cho rằng *tương đối phù hợp* và 17.9% (106 ý kiến) cho rằng *ít phù hợp* hoặc *không phù hợp*.

Như vậy, từ số liệu khảo sát phản ánh sự hài lòng nội dung và chương trình GDHN còn thấp, lý giải một phần lí do dẫn đến hiệu quả GDHN hiện nay chưa cao.

2.3. Hình thức tổ chức hoạt động GDHN

GDHN trong trường THPT được tiến hành dưới nhiều hình thức khác nhau như trong giờ lên lớp, ngoài giờ lên lớp, ở gia đình, ở nhà trường và ngoài xã hội. Những hình thức GDHN mang tính hệ thống, liên quan chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau.

Bảng 3. Kết quả khảo sát các hình thức tổ chức hoạt động GDHN trong trường THPT

| Các hình thức GDHN | Tổng | % | Bậc |
|---|------|------|-----|
| Hướng nghiệp thông qua các môn học văn hóa | 191 | 25.6 | 3 |
| Hướng nghiệp thông qua học tập lao động kỹ thuật và lao động sản xuất | 77 | 10.3 | 4 |
| Hướng nghiệp qua các hoạt động ngoại khóa | 255 | 34.1 | 1 |
| Hướng nghiệp thông qua môn học GDHN | 224 | 30.0 | 2 |

Qua kết quả khảo sát, hình thức GDHN hiện nay chủ yếu dưới dạng *hướng nghiệp qua các hoạt động ngoại khóa* (34.1%), *hướng nghiệp thông qua môn học GDHN* (30.0%), *hướng nghiệp thông qua các môn học văn hóa* (25.6%) và *hướng nghiệp thông qua học tập lao động kỹ thuật và lao động sản xuất* (10.3%).

Hoạt động ngoại khóa HS tham gia chủ yếu là các buổi tư vấn hướng nghiệp do các trường đại

học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh và thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Có 85.5% HS hưởng ứng nhà trường mời các chuyên gia tư vấn hướng nghiệp và các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh. Trong nhiều năm trở lại đây, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp tổ chức tư vấn tuyển sinh cho HS lớp 12, cũng đã

có trường huy động HS lớp 10, 11 nhằm giúp các em sớm có kiến thức và định hướng nghề nghiệp. Một hình thức đang được các trường thực hiện, đưa HS tham quan trực tiếp tại các cơ sở đào tạo ở thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, HS lớp 12 trường THPT Nguyễn Bình Khiêm thường được tham quan các trường cao đẳng tại địa phương Bà Rịa - Vũng Tàu.

Khi khảo sát vai trò trách nhiệm GV chủ nhiệm, GV bộ môn, thì có đến 40% HS cho rằng chưa được các đối tượng này tạo điều kiện tham quan hướng nghiệp. Đây là thực trạng tương đối phổ biến trong GDHN hiện nay, xuất phát từ nhận thức chú trọng truyền đạt kiến thức lý thuyết mà xem nhẹ những kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp.

Theo mức độ phù hợp, các đối tượng khảo sát đều đánh giá hình thức GDHN hiện nay trong các trường THPT mức độ phù hợp không cao. Các đối tượng khảo sát đều đánh giá hình thức GDHN hiện nay trong các trường THPT chỉ ở mức *thấp* và *trung bình* với điểm trung bình (từ 2.38 đến 3.42).

Thực trạng trên cho thấy nội dung, chương trình và hình thức GDHN đều bộc lộ hạn chế,

chưa phù hợp nhu cầu thực tế. Điều này đòi hỏi trong quá trình đổi mới cơ bản và toàn diện nền GD cần chú trọng đầu tư nguồn lực cho GDHN.

2.4. Vai trò và trách nhiệm của các lực lượng giáo dục

Qua tìm hiểu thực trạng hoạt động GDHN ở các trường THPT tại thành phố Bà Rịa cho thấy, các trường đều có thành lập Ban hướng nghiệp, có cơ cấu tổ chức, có phân công CBQL phụ trách và sự tham gia của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Tuy nhiên, kết quả khảo sát chỉ ra, bên cạnh những mặt đạt được vẫn còn tồn tại một số yếu kém cần khắc phục.

Đối với môn học GDHN, nhiều trường sử dụng GV bộ môn Giáo dục công dân để giảng dạy. Thếp ý kiến chung từ những GV này, công việc giảng dạy môn học vừa không đúng chuyên môn đào tạo, chỉ được tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn và vừa ít tài liệu tham khảo; ngoài ra, nhiệm vụ của họ phải tham gia nhiều hoạt động khác, như giảng dạy môn Giáo dục công dân, công tác chủ nhiệm, tham gia tư vấn tâm lý học đường... với rất nhiều nội dung hoạt động khác, do đó hiệu quả công tác GDHN của nhà trường chưa cao là điều dễ hiểu.

Bảng 4. Kết quả đánh giá vai trò, trách nhiệm của Ban GDHN nhà trường

| Nội dung | Mức độ thực hiện | | | | | \bar{X} | Bậc |
|---|------------------|-----|-----|-----|----|-------------|-----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | |
| Cho HS biết yêu cầu về phẩm chất cần có ở người lao động để có thể đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề nào đó | 130 | 240 | 127 | 71 | 29 | 3.65 | 2 |
| Hàng năm Ban hướng nghiệp phổ biến hay cung cấp cho HS những thông tin tuyển sinh của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 122 | 241 | 160 | 41 | 29 | 3.65 | 2 |
| Tư vấn cho HS việc chọn nghề, chọn ngành hay chọn trường trong quá trình HS 12 làm hồ sơ dự tuyển sinh | 127 | 257 | 142 | 52 | 13 | 3.72 | 1 |
| Tổ chức cho HS tham quan hướng nghiệp ở cơ sở sản xuất, kinh doanh | 63 | 137 | 176 | 127 | 91 | 2.93 | 4 |

(Chú thích: 1: rất thường xuyên, 2: thường xuyên, 3: bình thường, 4: hiếm khi, 5: không bao giờ)

Trong các hoạt động của Ban hướng nghiệp thì việc *tổ chức tư vấn cho HS việc chọn nghề, chọn ngành hay chọn trường trong quá trình HS*

12 làm hồ sơ dự tuyển sinh được đánh giá cao nhất (thứ bậc 1/4). Vào đầu học kỳ II hàng năm, các thành viên trong Ban hướng nghiệp tiến

hành gặp gỡ tư vấn cho HS việc lựa chọn ngành, nghề và trường phù hợp cũng như hướng dẫn HS cách làm hồ sơ thi đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Tuy nhiên, có đến 218 ý kiến

(36.7%) cho rằng *hiếm khi* hoặc *không bao giờ* Ban hướng nghiệp *tổ chức cho HS tham quan hướng nghiệp ở cơ sở sản xuất, kinh doanh* ($\bar{X} = 2.93$, thứ bậc 4/4).

Bảng 5. Kết quả đánh giá vai trò, trách nhiệm của GVCN trong GDHN cho HS

| Nội dung | Mức độ thực hiện | | | | | \bar{X} | Bậc |
|--|------------------|-----|-----|----|----|-------------|----------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | |
| Nắm tình hình, động viên HS tiếp thu tốt nội dung GDHN | 144 | 253 | 125 | 24 | 45 | 3.71 | 1 |
| Thực hiện giáo dục ý thức phục vụ sau này của HS đối với xã hội | 104 | 263 | 175 | 22 | 33 | 3.66 | 2 |
| Nắm tình hình mỗi HS để chuẩn bị tư tưởng cho các em sau khi tốt nghiệp THPT | 103 | 240 | 170 | 36 | 53 | 3.56 | 3 |
| Tham gia cùng Ban hướng nghiệp trong các buổi tham quan hướng nghiệp tại các cơ sở sản xuất | 55 | 184 | 171 | 84 | 95 | 3.01 | 6 |
| Trao đổi với HS, phụ huynh HS về xu hướng phát triển hứng thú, năng lực của HS để tìm hiểu nguyện vọng, động cơ, dự định chọn nghề | 68 | 206 | 202 | 75 | 40 | 3.31 | 4 |
| Khảo sát năng khiếu, sở thích của HS | 74 | 156 | 202 | 81 | 80 | 3.11 | 5 |

(Chú thích: 1: rất thường xuyên, 2: thường xuyên, 3: bình thường, 4: hiếm khi, 5: không bao giờ)

Bên cạnh Ban hướng nghiệp, lực lượng GV chủ nhiệm các lớp cũng có vai trò rất lớn trong việc GDHN cho HS. Hoạt động GV chủ nhiệm *nắm tình hình, động viên HS tiếp thu tốt nội dung GDHN* được đánh giá cao với thứ bậc 1/6 và 67% đánh giá ở mức độ *thường xuyên* và *rất thường xuyên*. Trong khi đó hoạt động *tham gia cùng Ban hướng nghiệp trong các buổi tham quan hướng nghiệp tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh* được đánh giá thấp nhất (thứ bậc 6/6) với 179 ý kiến (30.2%) đánh giá ở mức độ *hiếm khi* hoặc *không bao giờ*.

GV chủ nhiệm ở đây đã làm tốt việc đảm bảo sự chuyên cần, ý thức trật tự, sự tiếp thu nội dung học tập của HS, thậm chí họ còn hướng dẫn HS đặt câu hỏi cho các chuyên gia tư vấn tuyển sinh của các trường đại học. Tuy nhiên GV chủ nhiệm còn ít chú ý đến việc khảo sát năng khiếu, sở thích của HS để có những tư vấn hợp lí cho HS trong vấn đề chọn nghề, nhiều người còn ít khi đề cập đến vấn đề nghề nghiệp đối với HS. Kết quả khảo sát HS về *các nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến*

việc chọn nghề của các em cho thấy: GV chủ nhiệm chỉ đứng hạng 8/12 (đứng sau các nhân tố: gia đình, các phương tiện thông tin đại chúng, tư vấn của các trường đại học, cao đẳng, môn GDHN, bạn bè, thần tượng, các môn văn hóa và nhân tố hoạt động ngoại khóa). Rõ ràng ảnh hưởng của GV chủ nhiệm đối với việc chọn nghề của HS còn quá khiêm tốn.

Ngoài những lực lượng trên, tham gia vào công tác GDHN còn có GV bộ môn và các lực lượng giáo dục khác. Vai trò, trách nhiệm của GV bộ môn qua khảo sát đều được đánh giá ở mức *trung bình* (\bar{X} từ 2.55 đến 3.41), chứng tỏ họ còn ít quan tâm đến công tác hướng nghiệp cho HS. Có đến 20.8% ý kiến nhận định GV bộ môn *hiếm khi* hoặc *không bao giờ* tích hợp nội dung GDHN vào tiết học. Như vậy, có một tỉ lệ khá lớn GV chỉ lo tập trung dạy kiến thức bộ môn, không quan tâm đến vấn đề hướng nghiệp cho HS.

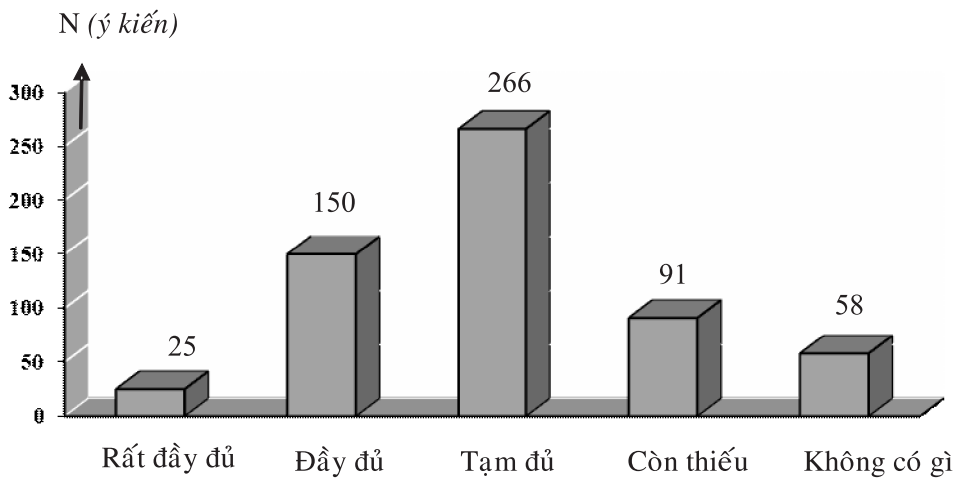
Vai trò của các lực lượng như Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, thư viện, Ban đại diện cha mẹ HS cũng đều chỉ được đánh giá ở mức

trung bình (\bar{X} từ 2.42 đến 3.15). Chính vì vậy, chúng ta cần phải nâng cao nhận thức, vai trò và trách nhiệm cho tất cả các lực lượng giáo dục tham gia vào công tác GDHN cho HS.

2.5. Các điều kiện hỗ trợ hoạt động GDHN

Điều kiện CSVC có ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giáo dục, trong đó có GDHN. Ngoài

ra, các yếu tố khác như phương tiện, thiết bị dạy học, nguồn tài chính... cũng đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả công tác GDHN trong trường phổ thông. Hình 1 thể hiện kết quả đánh giá của đối tượng khảo sát về CSVC phục vụ công tác GDHN ở 1 số trường THPT thành phố Bà Rịa.



Hình 1. Kết quả đánh giá về CSVC phục vụ công tác GDHN ở các trường THPT

Kết quả cho thấy đa số ý kiến cho rằng CSVC của các trường chỉ ở mức độ *tạm đủ* (44.9%), 150 ý kiến (25.3%) đánh giá ở mức độ *đầy đủ*, 25 ý kiến (4.2%) đánh giá ở mức độ *rất đầy đủ*. Tuy nhiên có đến 56 ý kiến (8.4%) cho rằng CSVC phục vụ cho GDHN ở mức độ *không có gì*. Trong thực tế CSVC các trường đều tốt, trong khi đó các phương tiện thiết bị phục vụ cho hoạt động GDHN không đáp ứng yêu cầu - sách giáo khoa và tài liệu, không có phòng dành riêng phục vụ tư vấn hướng nghiệp, chủ yếu sử dụng chung văn phòng Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và tư vấn tâm lý học đường.

Khi được hỏi “Nhà trường có phòng thông tin về hướng nghiệp và các tài liệu để phục vụ cho công tác GDHN không?” thì có đến 33.2% HS trả lời *không biết*. Việc tổ chức triển lãm sách, báo có tính chất hướng nghiệp và hướng dẫn các em tìm hiểu lựa chọn nghề chưa được thực hiện. Thực trạng này phản ánh thiếu sự chỉ đạo sát sao của CBQL, trong đó có sự thiếu sự quan tâm đầu tư nguồn lực tài chính cho công tác GDHN.

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

Về nhận thức, đa số CBQL, GV và HS cơ bản nhận thức đúng về ý nghĩa và vai trò của hoạt động GDHN trong nhà trường THPT, từ đó đã có những nỗ lực, cố gắng góp phần nâng cao hiệu quả công tác GDHN. Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận còn hạn chế về nhận thức đối với công tác GDHN, được biểu hiện trước hết từ đội ngũ tham gia công tác GDHN các trường THPT và kể đến chính là đối tượng HS - đối tượng được bồi dưỡng, trang bị kiến thức, thái độ và kỹ năng nghề nghiệp.

Hoạt động GDHN của các trường THPT ở thành phố Bà Rịa thông qua khá nhiều con đường. Song về hình thức, GDHN tại ba đơn vị khảo sát thiếu sinh động, chưa thu hút hứng thú ở HS; về mục đích GDHN thông qua dạy nghề phổ thông chưa đúng với bản chất định hướng nghề nghiệp cho tương lai, đa số HS sử dụng kết quả học nghề chủ yếu là để cộng vào điểm thi tốt nghiệp THPT.

Về CSVC, khẳng định sự quan tâm đầu tư của địa phương, tạo điều kiện cho các hoạt động giáo dục thuận lợi; tuy nhiên để sử dụng hiệu quả hơn, địa phương tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu dạy và học trường THPT nói chung và GDHN nói riêng.

3.2. Kiến nghị

- Trong quá trình thực hiện đổi mới giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chú trọng đổi mới công tác GDHN theo hướng hiện đại và thực tiễn. Theo đó, mục tiêu giáo dục tiếp cận triết lý thực học và thực nghiệp, học để trở thành người lao động hữu dụng cho xã hội; triển khai GDHN từ đầu cấp trung học cơ sở nhằm thực hiện tốt hơn việc phân luồng HS; chỉ đạo các trường sư phạm đào tạo GV ngành GDHN và đẩy mạnh công tác bồi dưỡng đội ngũ GV, tư vấn đang làm công tác

GDHN trong các trường phổ thông.

- Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa - Vũng Tàu nên có kế hoạch đào tạo và tuyển dụng đội ngũ tư vấn làm công tác GDHN cho trường phổ thông; tiếp tục bồi dưỡng nhận thức, vai trò và trách nhiệm đối với CBQL, GV trường THPT về công tác GDHN.

- Hiệu trưởng các trường THPT ở thành phố Bà Rịa nâng cao ý thức của người CBQL đối với việc thực hiện mục tiêu GDHN; tiến hành tuyên truyền sâu rộng với nhiều hình thức cho các lực lượng trong và ngoài nhà trường, đặc biệt là HS và cha mẹ HS hiểu rõ, đúng đắn và đầy đủ về mục đích GDHN trong nhà trường; kiện toàn Ban hướng nghiệp, trong đó ưu tiên bố trí phòng làm việc dành cho công tác GDHN và biên chế cán bộ chuyên trách.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Tài liệu tập huấn bồi dưỡng giáo viên về tư vấn hướng nghiệp và chọn nghề, Dự án phát triển giáo dục THPT - Trung tâm lao động - hướng nghiệp*, Hà Nội.
- [2]. Phạm Tất Dong (1996), *Đổi mới công tác hướng nghiệp phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH đất nước*, NXB Giáo dục.
- [3]. Phùng Đình Mẫn, Phan Minh Tiến, Trương Thanh Thúy (2006), *Một số vấn đề cơ bản về hoạt động GDHN ở trường THPT* (Giáo trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên THPT chu kỳ III), NXB Giáo dục.
- [4]. Phan Thị Tố Oanh (1996), *Nghiên cứu nhận thức nghề và dự định chọn nghề của học sinh phổ thông trung học*, Hà Nội, Luận án Tiến sĩ.
- [5]. Bùi Việt Phú (2007), “Xã hội hóa hoạt động GDHN cho học sinh phổ thông: Vấn đề và giải pháp”, *Tạp chí Giáo dục*, (số 168), tr.5-6.

Summary

The paper analyzes the current status of perceptions, contents, methods, forms of organization and operation of the educational forces as well as the supporting conditions for vocational education based on survey conducted with management staffs, teachers and students of secondary schools in Ba Ria City, Ba Ria - Vung Tau Province. Accordingly, this article aims to make recommendations to improve the effectiveness of vocational education in schools for a contribution to the human resources training responding to the requirements of the nation's industrialization and modernization.

Keywords: reality, vocational education, schools, Ba Ria - Vung Tau.

Ngày nhận bài: 08/7/2014; ngày nhận đăng: 30/7/2014.